**BÀI 35 – HỆ BÀI TIẾT Ở NGƯỜI**

|  |
| --- |
| **Mức độ 1. Nhận biết** |
| Câu 1. Chức năng của hệ bài tiết ở người là  A. lọc các chất cặn bã có trong máu và thải ra môi trường trong của cơ thể.  B. thải ra các chất cặn bã do tế bào tạo ra trong quá trình trao đổi chất ra môi trường ngoài.  C. giữ lại chất dinh dưỡng trong máu để mang đi nuôi các cơ quan trong cơ thể.  D. lọc và thải ra môi trường ngoài các chất cặn bã do tế bào tạo ra từ quá trình trao đổi chất.  Câu 2. Các sản phẩm của quá trình bài tiết là  A. oxygen, nước tiểu, phân. B. carbon dioxide, phân, mồ hôi.  C. phân, nước tiểu, mồ hôi. D. carbon dioxide, mồ hôi, nước tiểu.  Câu 3. Các cơ quan tham gia quá trình bài tiết là  A. phổi, ruột non, thận. B. phổi, ruột non, da.  C. thận, ruột non, da. D. phổi, thận, da.  Câu 4. Sản phẩm bài tiết từ thận chiếm tới  A. 50%. B. 75%. C. 80%. D. 90%.  Câu 5. Hệ bài tiết nước tiểu gồm  A. hai quả thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái, ống đái.  B. hai quả thận, bóng đái, ống góp, ống đái.  C. một quả thận, ống dẫn nước tiểu, ống góp, bóng đái.  D. một quả thận, bóng đái, ống góp, ống đái.  Câu 6. Mỗi quả thận có khoảng…………… đơn vị chức năng.  A. 2 trăm. B. 2 triệu. C. 1 trăm. D. 1 triệu.  Câu 7. Mỗi đơn vị chức năng được cấu tạo bởi  A. cầu thận, nang cầu thận. B. cầu thận, ống thận.  C. ống thận, nang cầu thận. C. nang cầu thận, ống góp.  Câu 8. Cầu thận là  A. một búi mao mạch dày đặc.  B. một chuỗi các tĩnh mạch thận xếp nối tiếp nhau.  C. hệ thống các động mạch thận xếp xen kẽ nhau.  D. một búi mạch bạch huyết có kích thước bé.  Câu 9. Màng lọc có các lỗ nhỏ đường kính từ  A. 25 – 30 A0. B. 30 – 35 A0. C. 25 – 35 A0. D. 30 – 40 A0.  Câu 10. Phần bao ngoài cầu thần là một túi gọi là  A. túi cầu thận. B. bao cầu thận. C. nang cầu thận. D. bì thận.  Câu 11. Nguyên nhân của bệnh sỏi thận là  A. tích tụ các các muối phosphate, muối urate, calcium oxalate.  B. liên cầu khuẩn chuyển hóa các chất dinh dưỡng thành tinh thể muối hợp thành sỏi.  C. do ảnh hưởng của các bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp gây tắc tiểu lâu ngày.  D. ăn phải các đồ ăn không đảm bảo vệ sinh, chất độc bị tồn đọng, di chuyển đến thận lưu trữ.  Câu 12. |
| **Mức độ 2. Thông hiểu** |
| Câu 1. Nếu quá trình bài tiết không được diễn ra thì  A. tế bào gặp tình trạng ứ đọng các chất. B. cơ thể có tình trạng thiếu chất.  C. tế bào bị chết do thiếu chất dinh dưỡng. D. cơ thể sẽ bị nhiễm độc.  Câu 2. Cơ quan nào dưới đây ***không tham gia*** vào hoạt động bài tiết?  A. Ruột già. B. Phổi. C. Thận. D. Da.  Câu 3. Việc làm nào dưới đây có hại cho hệ bài tiết?  A. Nhịn tiểu. B. Đi chân đất. C. Uống nhiều nước. D. Không mắc màn khi ngủ.  Câu 4.  Câu 5. Để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu, chúng ta cần tránh điều gì sau đây?  A. Ăn quá mặn, quá chua. B. Không ăn thức ăn ôi thiu, nhiễm độc.  C. Uống nước vừa đủ. D. Đi tiểu khi có nhu cầu. |
| **Mức độ 3. Vận dụng bậc thấp** |
| Câu 1. Sự tạo thành nước tiểu diễn ra theo trình tự như thế nào?  A. Lọc máu – Hấp thụ lại – Bài tiết tiếp. B. Hấp thụ lại – Lọc máu – Bài tiết tiếp.  C. Lọc máu – Bài tiết tiếp – Hấp thụ lại. D. Hấp thụ lại – Bài tiết tiếp – Thải nước tiểu.  Câu 2. Khi máu từ động mạch thận đến cầu thận, nước và các chất hòa tan được thấm qua vách mao mạch vào nang cầu thận là nhờ  A. sự chênh lệch áp suất tạo lực đẩy các chất qua lỗ lọc.  C. các chất hòa tan kích thước lớn hơn 30-40 A°.  B. các chất hòa tan kích thước trong khoảng 40–50A°.  D. áp suất thẩm thấu của các chất qua lỗ lọc.  Câu 3. Ca ghép thận đầu tiên trên thế giới được thực hiện vào năm nào?  A. 1963. B. 1954. C. 1926. D. 1981.  Câu 4. Thói quen nào có lợi cho sức khỏe của thận?  A. Tập thể dục thường xuyên. B. Ăn nhiều đồ mặn.  C. Uống thật nhiều nước. D. Nhịn tiểu lâu.  Câu 9. Tác nhân nào gián tiếp gây hại thận?  A. Sự xâm nhập của các vi khuẩn gây viêm các cơ quan khác. B. Thức ăn mặn.  C. Ăn các thức ăn nhiều cholesteron (1 thành phần tạo sỏi). D. Nhịn tiểu lâu. |
| **Mức độ 4. Vận dụng bậc cao** |
| Câu 1. Nước tiểu chính thức thường có màu gì là dấu hiệu của cơ thể khỏe mạnh?  A. Màu vàng nhạt. B. Màu đỏ nâu. C. Màu trắng ngà. D. Màu trắng trong.  Câu 2. Vì sao khi điều trị bệnh bằng thuốc kháng sinh, nước tiểu thường có mùi kháng sinh?  A. Kháng sinh được đưa ra ngoài cơ thể nhờ đường bài tiết.  B. Lượng thuốc khác sinh đưa vào người bị thừa  C. Thuốc kháng sinh đến các đơn vị thận để tiêu diệt vi khuẩn trong máu  D. Dấu hiệu báo vi khuẩn xâm nhập vào đường bài tiết.  Câu 3. Vì sao nhịn tiểu lâu lại không có cảm giác buồn tiểu nữa?  A. Nước tiểu chính thức được vận chuyển lại để hấp thụ lại.  B. Cơ thể bài tiết nước bằng đường khác.  C. Não bộ không đưa ra tín hiệu “cần đi tiểu” nữa.  D. Bóng đái giãn rộng tăng thể tích.  Câu 4. Vì sao cơ thể có thể sống chỉ với một quả thận?  A. Một quả thận vẫn có thể thực hiện bài tiết để duy trì sự sống cho cơ thể.  B. Thận cắt đi có thể tái tạo lại sau khoảng thời gian 5 năm.  C. Bình thường cơ thể chỉ có 1 quả thận hoạt động.  D. Cơ thể có các cơ quan bài tiết khác, thận không phải cơ quan bài tiết chính. |